

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/7/2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lụa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: số C, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2024 trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị Kim B trình bày:

Chị và anh Q cưới nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh Q thường xuyên ăn nhậu về hay đánh chị và còn dùng lời lẽ ghen tuông để xúc phạm chị, nay tình cảm vợ chồng không còn và chị đã về nhà cha mẹ ở thị trấn T sống từ tháng 3/2024 đến nay nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012. Hiện nay cháu B1 đang sống với chị. Nay ly hôn thì chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Việt Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian chung sống cũng như những mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ mới phát sinh mâu thuẫn mấy tháng nay do anh nhậu về không kiểm chế bản thân nên có đánh chị B; anh cũng đã xin lỗi; anh xin chị B cho anh thêm cơ hội để sửa đổi bản thân; anh không đồng ý ly hôn vì hiện tại anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: 01 con chung tên là Nguyễn Đăng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012. Hiện nay cháu B1 đang sống cùng với chị B. Nếu ly hôn thì anh đồng ý để con cho chị B nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 24/6/2024 cháu Nguyễn Đăng Quốc B1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ Đặng Thị Kim B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Kim B đối với anh Nguyễn Việt Q. Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Đăng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012, xét chị B có đầy đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh Q và con chung đang sống với chị B nên đề nghị để con chung cho chị B nuôi dưỡng, ghi nhận chị B tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim B và anh Nguyễn Việt Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/7/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những mâu thuẫn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị B xin ly hôn với anh Q. Mặc dù anh Q cho rằng còn thương vợ thương con, không đồng ý ly hôn và tại phiên Tòa sơ thẩm anh Q xin chị B cho anh cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn và Hội đồng xét xử đã động viên, hòa giải mâu thuẫn của anh chị nhiều lần nhưng vẫn không có khả năng hàn gắn. Quan đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xét yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đăng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012. Khi ly hôn, chị B xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị B phù hợp với nguyện vọng của con chung Quốc B1 và anh Q cũng đồng ý nên yêu cầu của chị B về nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: các bên trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Đặng Thị Kim B phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Kim B đối với anh Nguyễn Việt Q. Chị Đặng Thị Kim B được ly hôn với anh Nguyễn Việt Q. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 04/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Kim B được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Đăng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Việt Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh Q trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001082 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị B đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu